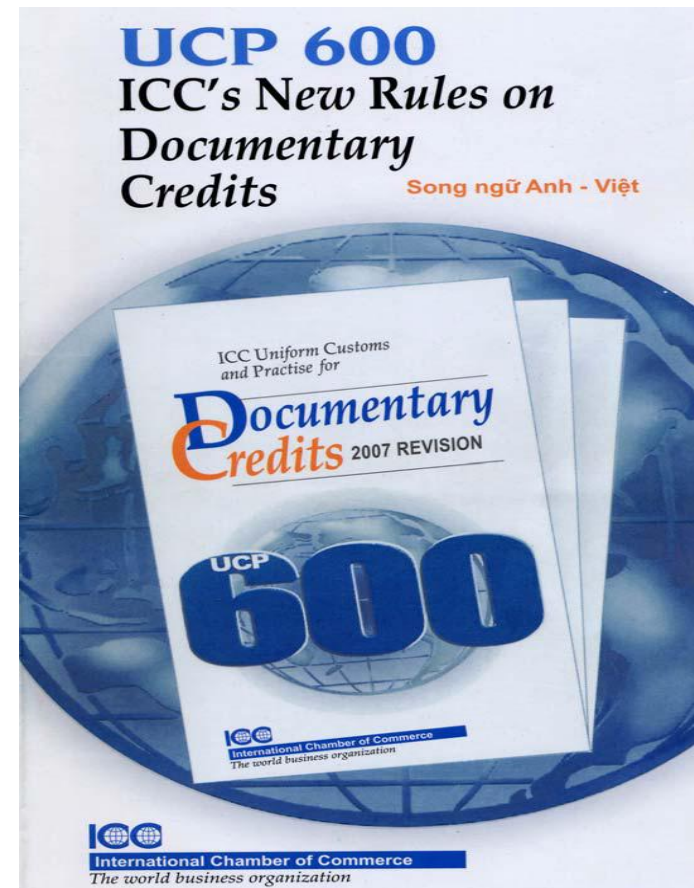


VẤN ĐỀ 8: UCP600



NỘI DUNG CHÍNH

- **Tổng quan về UCP**
- **UCP600 vs. UCP500**
- **UCP 600 – một số điều lưu ý**
- **Câu hỏi và bài tập**

Tổng quan về UCP

- Khái niệm UCP.
- Sự cần thiết của UCP.
- Các phiên bản của UCP.
- Tính chất pháp lý của UCP.
- Phạm vi và đối tượng áp dụng của UCP.

Tổng quan về UCP

- **Khái niệm UCP.**
- Sự cần thiết của UCP.
- Các phiên bản của UCP.
- Tính chất pháp lý của UCP.
- Phạm vi và đối tượng áp dụng của UCP.

Khái niệm UCP

- UCP: một tập hợp các nguyên tắc và tập quán quốc tế được ICC soạn thảo và ban hành,
- quy định quyền hạn, trách nhiệm của các bên liên quan trong giao dịch tín dụng chứng từ với điều kiện *thư tín dụng có dẫn chiếu UCP*.
- NH sử dụng UCP để xử lý các bộ chứng từ liên quan trong giao dịch ngoại thương

Tổng quan về UCP

- Khái niệm UCP.
- **Sự cần thiết của UCP.**
- Các phiên bản của UCP.
- Tính chất pháp lý của UCP.
- Phạm vi và đối tượng áp dụng của UCP.

Why UCP 600?

- Sự thay đổi mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh quốc tế trên toàn cầu
- Theo thông lệ: trung bình cứ 10 năm UCP được sửa đổi nội dung một lần.
- UCP500 có 1 số điều khoản gây lúng túng cho nhân viên ngân hàng khi phục vụ thanh toán L/C, gây tranh cãi giữa ngân hàng và doanh nghiệp XNK.

Vai trò UCP

Đối với ngân hàng

- Tăng cường mối quan hệ và hiểu biết giữa Ngân hàng và khách hàng
- UCP - cẩm nang hướng dẫn mà Ngân hàng dựa vào đó để phục vụ khách hàng tốt nhất.
- UCP - một căn cứ pháp lý (khi UCP được dẫn chiếu trong L/C) giúp mau chóng tháo gỡ và giải quyết tranh chấp

Vai trò UCP

Đối với công ty xuất nhập khẩu

- UCP - cẩm nang giúp các doanh nghiệp XNK thực hiện tốt trách nhiệm của mình liên quan đến thanh toán L/C
- UCP - tài liệu hỗ trợ cho doanh nghiệp giám sát các dịch vụ của ngân hàng đối với mình.
- UCP - căn cứ để doanh nghiệp khiếu nại hoặc khởi kiện (nếu có) ngân hàng

Sự cần thiết của UCP

- 70% chứng từ bị từ chối trong lần đầu xuất trình.
- Thiết lập sự thống nhất trong thực hành tín dụng chứng từ.
- Làm giảm sự bất đồng.

Tổng quan về UCP

- Khái niệm UCP.
- Sự cần thiết của UCP.
- **Các phiên bản của UCP**
- Tính chất pháp lý của UCP.
- Phạm vi và đối tượng áp dụng của UCP.

Các phiên bản của UCP

1933	First UCP	No. 82
1951	UCP revised	No. 151
1962	UCP revised	No. 222
1974	UCP revised	No. 290
1983	UCP revised	No. 400
1993	UCP revised	No. 500
2007	UCP revised	No. 600

Tổng quan về UCP

- Khái niệm UCP.
- Sự cần thiết của UCP.
- Các phiên bản của UCP.
- **Tính chất pháp lý của UCP.**
- Phạm vi và đối tượng áp dụng của UCP.

Tính chất pháp lý của UCP

- ❖ Tất cả phiên bản của UCP đều còn nguyên giá trị
- ❖ Chỉ khi trong LC có dẫn chiếu áp dụng UCP thì nó mới trở nên có hiệu lực pháp lý bắt buộc
- ❖ Các bên có thể thỏa thuận trong LC
 - Không thực hiện hoặc thực hiện khác đi một hoặc một số điều khoản trong UCP.
 - Bổ sung thêm những điều khoản
- ❖ Nếu nội dung trong UCP có xung đột với Luật quốc gia thì Luật quốc gia vượt lên trên về mặt pháp lý.
- ❖ Trong giao dịch LC, tuân thủ các điều khoản của LC trước sau đó mới đến các điều khoản của UCP

Tổng quan về UCP

- Khái niệm UCP.
- Sự cần thiết của UCP.
- Các phiên bản của UCP.
- Tính chất pháp lý của UCP.
- **Phạm vi và đối tượng áp dụng của UCP.**

Phạm vi và đối tượng áp dụng UCP

- Phạm vi áp dụng: toàn cầu.
- UCP: áp dụng trong phương thức thanh toán quốc tế bằng L/C.
- UCP đề cập quyền lợi và trách nhiệm của Issuing Bank, Advising Bank, Confirming Bank, Nominated Bank, Applicant, Beneficiary, Carrier...

UCP 500 - 7 điều khoản gây tranh cãi nhiều nhất

- Điều 9: Trách nhiệm của NHPH và NHXN
 - Điều 13: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ
 - Điều 14 : Các chứng từ có sai khác và thông báo
 - Điều 21: Người phát hành hay nội dung của chứng từ
 - Điều 23: Vận tải đơn đường biển
 - Điều 37: Hóa đơn thương mại
 - Điều 48: Tín dụng chuyển nhượng
- Được sửa đổi và làm rõ trong điều 7, 8, 10, 14, 16, 18, 20, 38 của UCP 600

Các điều khoản của UCP 600

Các khái niệm và điều khoản chung	1- 5
Sự chịu trách nhiệm pháp lý	6- 13
Kiểm tra bộ chứng từ	14- 17
Bộ chứng từ	18- 28
Các vấn đề khác (dung sai, gia hạn ngày hết hiệu lực, giao hàng trả tiền từng phần và nhiều lần...)	29- 33
Sự từ chối	34- 37
Tín dụng có thể chuyển nhượng và chuyển nhượng số tiền thu được	38- 39

UCP 600 vs. UCP 500

- ❖ Ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu hơn, tránh nhầm lẫn
- ❖ UCP 600 có 39 điều trong đó UCP 500 có 49 điều
- ❖ Bỏ bớt 8 điều khoản
 - **Điều 5:** Chỉ thị về phát hành, sửa đổi thư tín dụng
 - **Điều 6:** Tín dụng hủy ngang/không hủy ngang
 - **Điều 8:** Sự hủy ngang tín dụng
 - **Điều 12:** Sự không hoàn thiện/các điều khoản không rõ ràng
 - **Điều 30:** Chứng từ vận tải được phát hành bởi đại lý vận tải
 - **Điều 33:** Chứng từ vận tải với cước vận tải được trả/đã trả
 - **Điều 36:** Bảo chứng cho bảo hiểm toàn bộ rủi ro
 - **Điều 38:** Các chứng từ khác

UCP 600 vs. UCP 500

- ❖ Thêm 1 số điều khoản mới, trong đó 3 điều khoản 2, 3, 15 là mới hoàn toàn.
- ❖ Xuất hiện những nội dung mới trong 23 điều khoản
- ❖ Giữ nguyên 13 điều khoản

UCP 600 – 1 số điều lưu ý

- Điều 2 : Định nghĩa
- Điều 3 : Giải thích
- Điều 9 : Thông báo tín dụng và các sửa đổi.
- Điều 12 : Sự chỉ định
- Điều 15 : Xuất trình phù hợp
- Điều 17 : Các chứng từ gốc và các bản sao.

Điều 2 : Định nghĩa

A	Advising bank
	Applicant
B	Banking day
	Beneficiary
C	Complying presentation
	Confirmation
	Confirming bank
	Credit

H	Honour
I	Issuing bank
N	Negotiation
	Nominated bank
P	Presentation
	Presenter

Banking day

là ngày mà vào ngày đó ngân hàng thường xuyên mở cửa tại nơi mà ở đó hoạt động có liên quan đến các quy tắc này được thực hiện.

Complying presentation

việc xuất trình chứng từ phù hợp với các đk và điều khoản của tín dụng, với các điều khoản được áp dụng của quy tắc này và với tập quán tiêu chuẩn quốc tế.

Honour



For credit available by ...

⇒ Sight payment

Pay at sight

⇒ Deferred payment

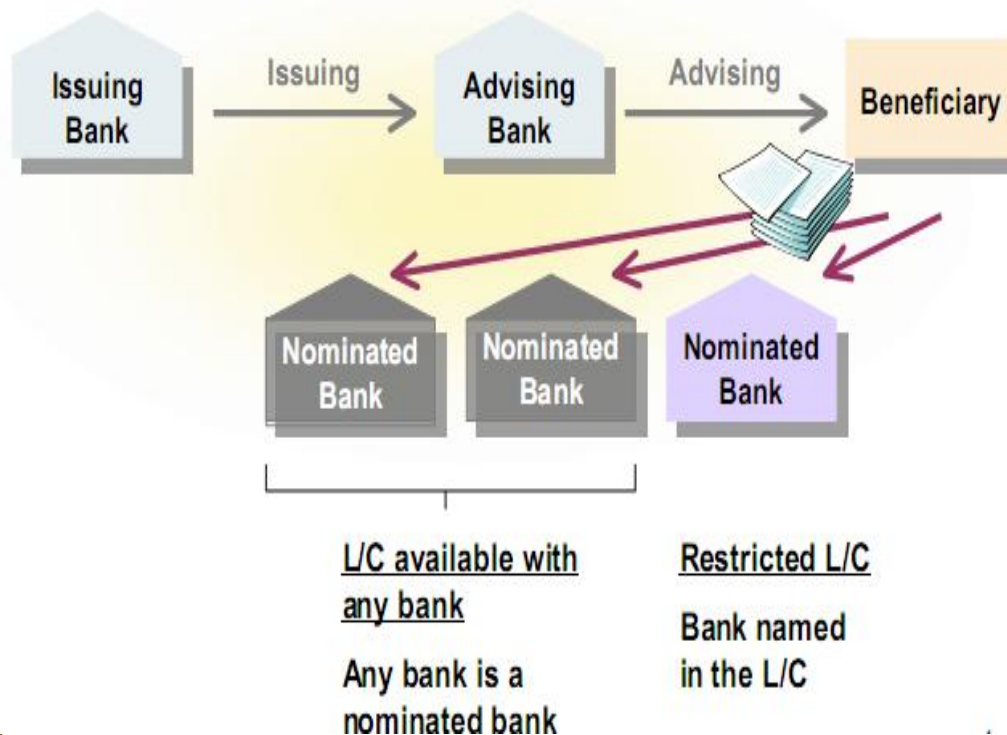
Incur deferred payment undertaking
Pay at maturity

⇒ Acceptance

Accept bill of exchange
Pay at maturity

Negotiation

Là việc NH được chỉ định mua các hối phiếu và hoặc các chứng từ xuất trình phù hợp bằng cách trả tiền trước hoặc ứng tiền trước cho người thụ Hưởng vào hoặc trước ngày NH làm việc mà vào ngày đó NH được chỉ định được hoàn trả tiền khi đến hạn.



Nominated bank

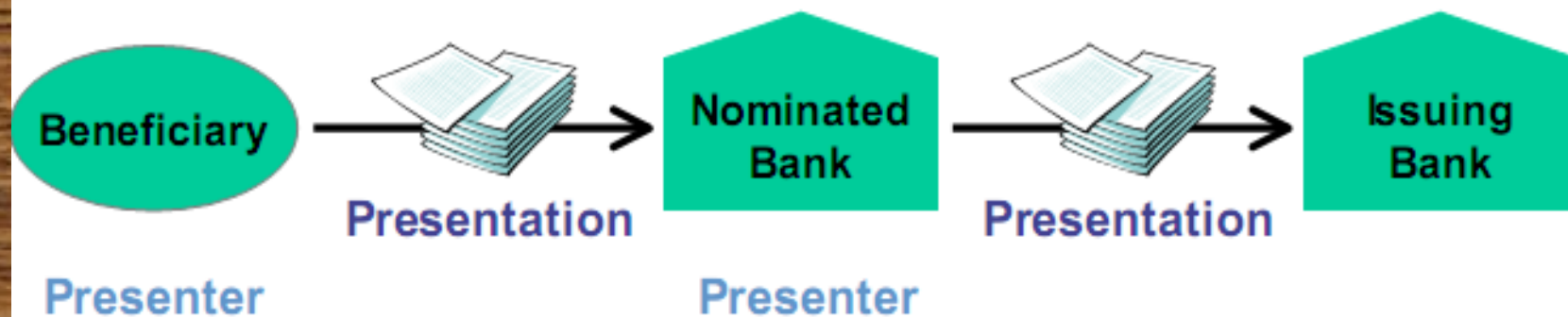
Là ngân hàng mà tại đó tín dụng có giá trị hoặc là bất cứ ngân hàng nào nếu tín dụng có giá trị tự do.

Là việc chuyển giao chứng từ theo tín dụng cho NHPH hoặc NHĐCĐ hoặc các chứng từ được chuyển giao như thế.

Presentation

Presenter

Là người thụ hưởng, ngân hàng hoặc bất cứ bên nào khác thực hiện việc xuất trình.



Điều 3: Giải thích

Đây là điều khoản mới so với UCP 500, bao gồm điều 47 và 1 phần của điều 2, 20, 46.

❖ Ở những nơi cần thiết trong quy tắc này các từ ở dạng số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại.

VD: Khi viết ***Document*** thì cũng hiểu là ***Documents***.

❖ Một tín dụng là **không thể huỷ ngang** ngay cả khi không có quy định về việc đó.

Điều 3: Giải thích

- ❖ Các từ “from” và “after” khi dùng để quy định ngày đáo hạn sẽ không bao gồm ngày đó.

30 days from shipment date

=

30 days after shipment date

Shipment date: 1 AUG 2007



Maturity date: 31 AUG 2007

Điều 3: Giải thích

❖ Các từ “from” và “after” khi dùng để quy định thời gian giao hàng sẽ có nghĩa khác nhau:

- “from” bao gồm cả ngày được đề cập đến.
- “after” không bao gồm ngày được đề cập đến.

Shipment to be effected
from August 10th

=

Earliest shipment date
is August 10th

Shipment to be effected
after August 10th

=

Earliest shipment date
is August 11th

Điều 3

Ví dụ

L/C ghi “shipment date is on or about July 15, 2010”

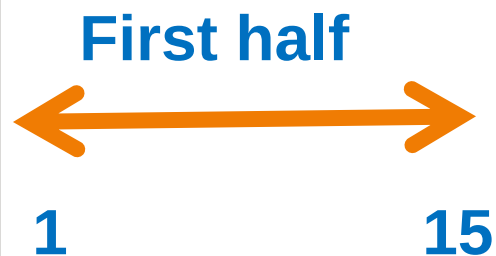
Vậy ngày giao hàng có thể được thực hiện trong khoảng thời gian nào?



Điều 3

Giải thích

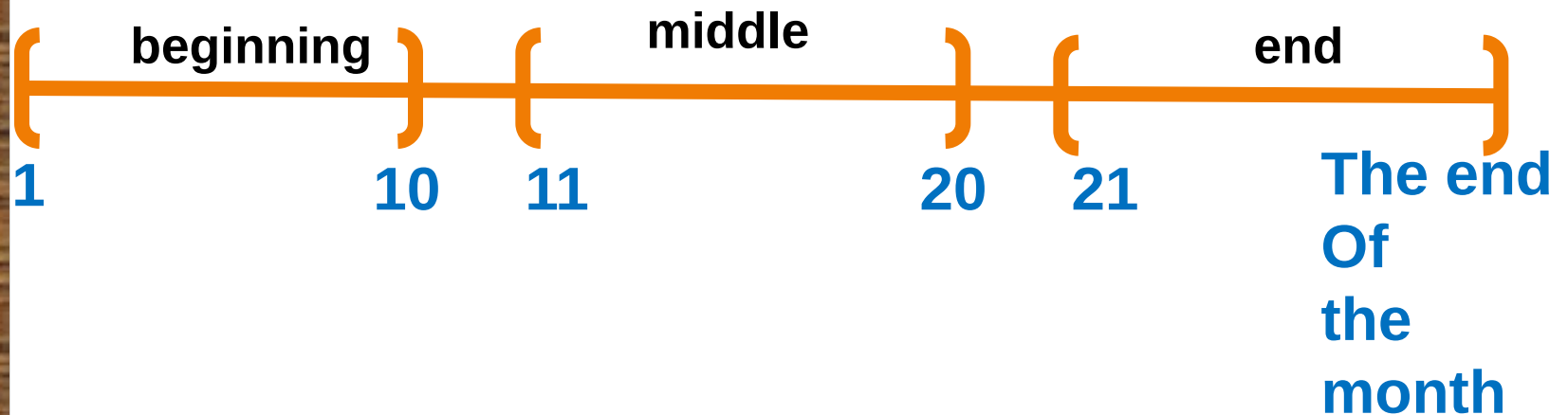
□ “first half” và “second half” của 1 tháng



Điều 3

Giải thích

□ “beginning”, “middle”, “end”



Điều 6

Có giá trị thực hiện, ngày hết hạn và nơi xuất trình

Một LC do Vietcombank phát hành quy định thanh toán tại Citybank chi nhánh Singapore, L/C sẽ có giá trị thực hiện thanh toán tại đâu?

- Vietcombank
- Citybank chi nhánh Singapore.

Điều 6

Có giá trị thực hiện, ngày hết hạn và nơi xuất trình

Điều 6

Giá trị thực hiện

- Mục **b** nêu rõ, LC phải ghi rõ 1 trong 4 hình thức sau đây để thực hiện thanh toán:
- 1, trả tiền ngay- sight payment
 - 2, trả tiền chậm- deferred payment
 - 3, chấp nhận thanh toán- acceptance
 - 4, chiết khấu – negotiation

- Mục **C**:
- Thư tín dụng không được phát hành đòi tiền người xin mở thư tín dụng (Applicant)
- Hối phiếu phải phát hành đòi tiền ngân hàng phát hành LC(Issuing Bank) hoặc ngân hàng được chỉ định thanh toán (Nominated Bank).

Điều 6

Có giá trị thực hiện, ngày hết hạn và nơi xuất trình

Mục **e**: có thể xuất trình chứng từ thanh toán đúng hoặc trước ngày hết hiệu lực LC.

VD: LC quy định chứng từ phải xuất trình “before November 20, 2010”

Expiry date: November 30, 2010

Presentation date: November 30, 2010

Complying presentation?

Điều 7

Nghĩa vụ của ngân hàng phát hành

Nội dung mới so với UCP 500 thể hiện ở 2 điểm:

- Hoàn trả tiền cho ngân hàng được chỉ định đã thanh toán hoặc chiết khấu chứng từ.
- Ngân hàng phát hành buộc phải cam kết thanh toán vô điều kiện ngay từ thời điểm mà họ phát hành thư tín dụng.

Điều 8

Nghĩa vụ của ngân hàng xác nhận

PHẠM 2

- Hoàn trả tiền cho ngân hàng được chỉ định đã thanh toán hoặc chiết khấu chứng từ.
- Ngân hàng xác nhận bị buộc phải cam kết thanh toán hoặc chiết khấu chứng từ vô điều kiện ngay từ thời điểm họ xác nhận thư tín dụng.
- Người thụ hưởng LC xuất trình bộ chứng từ thanh toán hợp lệ thì ngân hàng xác nhận phải thanh toán hoặc chiết khấu chứng từ cho dù ngân hàng được chỉ định khác từ chối thanh toán hoặc chiết khấu chứng từ, hoặc ngân hàng phát hành phá sản, mất khả năng chi trả.

Điều 9

Thông báo thư tín dụng và sửa đổi

- NHTB *không có trách nhiệm* trong việc dịch hoặc giải thích các thuật ngữ chuyên môn, không chịu trách nhiệm về khả năng giao hàng của người hưởng, khả năng thanh toán của người yêu cầu...hoặc bất cứ hậu quả xấu nào liên quan đến giao dịch L/C
- Ngoài ra, NHTB phải kiểm tra tính chân thật bề ngoài của L/C hoặc sửa đổi L/C
- Người chỉ định ngân hàng thông báo L/C là ngân hàng phát hành L/C

Điều 9

Thông báo thư tín dụng và sửa đổi

- Trước khi thông báo thư tín dụng hoặc sửa đổi, NH thông báo phải tuyên bố rằng họ đã kiểm tra tính chân thật bên ngoài của thư tín dụng hoặc sửa đổi đó, và rằng nội dung thông báo phản ánh chính xác các điều kiện và điều khoản của thư tín dụng hoặc sửa đổi mà họ đã nhận được
- Trách nhiệm của NH thông báo thứ hai cũng giống như NH thông báo thứ nhất

Điều 9

Thông báo tín dụng và sửa đổi

- Trong trường hợp NH thông báo nghi ngờ tính chân thật bề ngoài của L/C,
- Trong trường hợp NH được yêu cầu thông báo tín dụng hoặc sửa đổi tín dụng nhưng quyết định không làm việc đó,
- phải thông báo không chậm trễ cho NH mà từ đó đã nhận được tín dụng hoặc sửa đổi tín dụng.

Điều 10: Sửa đổi tín dụng

- ❖ Một tín dụng không thể sửa đổi cũng như không thể được hủy bỏ nếu như không có sự thỏa thuận của NHPH, NHXN, nếu có, và người thụ hưởng.
- ❖ NHPH/NHXN bị ràng buộc không thể hủy bỏ vào các sửa đổi kể từ thời điểm phát hành/xác nhận sửa đổi đó.
- ❖ Các điều kiện và điều khoản của tín dụng gốc sẽ còn nguyên hiệu lực đối với người thụ hưởng cho đến khi nào người thụ hưởng truyền đạt chấp nhận sửa đổi đến NH thông báo sửa đổi đó

Điều 10: Sửa đổi tín dụng

- ❖ Người thụ hưởng phải thông báo chấp nhận hay từ chối sửa đổi tín dụng. Nếu người thụ hưởng không thông báo như thế mà việc xuất trình phù hợp với tín dụng đã sửa đổi mà chưa được người thụ hưởng chấp nhận thì coi như là thông báo chấp nhận của người thụ hưởng

Ví dụ

Original L/C

Date: 1 JUL 07

US\$150,000

Ship by 20 AUG 7

Partial shipments
allowed

Amendment

Date: 4 JUL 07

Amt. reduced to
US\$100,000

Ship by 20 JUL 07

Deemed
accepted ?

Document

US\$100,000

Shipped 20 JUL 07

Complying

Complying

Điều 10: Sửa đổi tín dụng

- ❖ Một NHTB sửa đổi phải báo cho NH mà nó đã nhận được sửa đổi từ NH này về mọi thông báo chấp nhận hay từ chối sửa đổi.
- ❖ Chấp nhận sửa đổi từng phần là không được phép và sẽ được coi như là thông báo từ chối sửa đổi.
- ❖ Một điều khoản trong sửa đổi quy định rằng sửa đổi sẽ có hiệu lực trừ khi người thụ hưởng từ chối trong một thời gian nhất định, sẽ không được xem xét đến

Điều 12: Sự chỉ định

- ❖ Sự chỉ định không bắt buộc NHĐCĐ phải cam kết thanh toán hoặc chiết khấu
- ❖ NHPH đã ủy quyền cho NHĐCĐ trả tiền trước hoặc mua một hối phiếu đã được chấp nhận hoặc thực hiện cam kết trả tiền sau, bằng cách chỉ định một NHĐCĐ chấp nhận một hối phiếu hoặc thực hiện cam kết trả tiền sau.

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

- ❖ Kiểm tra bề mặt của chứng từ để quyết định tính phù hợp.
- ❖ Trừ hoá đơn TM, việc mô tả HH - DV hoặc thực hiện có thể quy định trong điều khoản chung.
- ❖ Không xem xét những chứng từ L/C không yêu cầu, có thể trả lại.

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

- ❖ Không xem xét điều kiện không liên quan đến chứng từ.
- ❖ Một chứng từ có thể được ghi ngày trước ngày phát hành L/C, nhưng không được muộn hơn ngày xuất trình chứng từ.

	M	Tu	W	Th	F	Sa	S	M	Tu	W
UCP 600	0	1	2	3	4	X	X	5		
UCP 500	0	1	2	3	4	X	X	5	6	7



- UCP500: thời gian hợp lý không vượt quá 7 ngày theo ngày làm việc của ngân hàng tính từ sau ngày nhận chứng từ
- Theo UCP600: tối đa là 5 ngày theo ngày làm việc ngân hàng kể từ sau ngày xuất trình. Không rút ngắn hoặc chịu ảnh hưởng của sự kiện khác

Thời hạn xuất trình

- UCP 600
 - Việc xuất trình bao gồm 1 bản gốc chứng từ vận tải phải được thực hiện không chậm hơn 21 ngày dương lịch kể từ ngày giao hàng.
 - Chứng từ vận tải – quy định tại điều 19- 25.
- UCP500:
 - Mọi tín dụng yêu cầu chứng từ vận tải nên quy định một thời hạn cụ thể sau ngày giao hàng trong việc xuất trình được tiến hành.
 - Không muộn hơn 21 ngày sau ngày giao hàng, nếu không giống với thời hạn đã được quy định

Điều 14d: Dữ liệu không mâu thuẫn

- Theo UCP600:

- Dữ liệu trong một chứng từ không được mâu thuẫn nhau và không được mâu thuẫn với bất cứ chứng từ quy định nào khác hoặc với tín dụng.

- Theo UCP500:

- Trên bề mặt của chứng từ có mâu thuẫn với nhau sẽ được xem như không xuất hiện để phù hợp với những điều khoản và điều kiện của tín dụng.

Điều 14f: Không chỉ rõ người phát hành hoặc nội dung

- ❖ Trừ *hoá đơn, chứng từ vận tải hoặc chứng từ BH*, NH sẽ chấp nhận chứng từ nếu nội dung của nó đáp ứng đúng chức năng và không mâu thuẫn với các chứng từ khác.
- ❖ Ví dụ: L/C yêu cầu giấy chứng nhận việc kiểm tra kỹ lưỡng.

Inspection Certificate

Goods have been inspected and are certified to be in order.

Signed 

Dated 1 AUG 2007



Inspection Certificate

Goods are certified to be of Singapore origin.

Signed 

Dated 1 AUG 2007



Goods have been inspected and are certified to be in order.

Signed 

Dated 1 AUG 2007



Địa chỉ của người thụ hưởng và người yêu cầu

- ❖ Không phải trùng nhau nhưng phải trong cùng một quốc gia như trong LC.
- ❖ Không xem xét các chi tiết giao dịch của người thụ hưởng và người yêu cầu (fax, điện thoại, email) được thể hiện trong tín dụng.
- ❖ Nếu là một bộ phận cấu thành địa chỉ của người nhận hàng hoặc bên được thông báo trong chứng từ vận tải, chi tiết giao dịch của người yêu cầu phải được thể hiện đúng như quy định trong tín dụng.

Ví dụ

Letter of Credit

Applicant: ABC Inc.
3 Temasek Avenue
16-00 Centennial Tower
Singapore 039190
Fax No. 6328 5201

B/L to notify applicant

Invoice

Bill to: ABC Inc.
10 Coleman Street
Singapore 179809

Fax No. 6328 5464

Bill of Lading

Notify: ABC Inc.
10 Coleman Street
Singapore 179809

Fax No. 6328 5464

Bill of Lading

Notify: ABC Inc.
3 Temasek Avenue
16-00 Centennial Tower
Singapore 039190
Fax No. 6328 5201

Người vận chuyển, người gửi hàng, người phát hành chứng từ vận tải

- ❖ Người vận chuyển hay người gửi hàng trong chứng từ không nhất thiết phải là người thụ hưởng L/C, nhưng phải đồng nhất giữa tất cả các chứng từ.
- ❖ Chứng từ vận tải có thể được phát hành bởi bất cứ bên nào khác không phải là người chuyên chở, chủ tàu, thuyền trưởng hoặc người thuê tàu, miễn là nó đáp ứng được các yêu cầu của các điều khoản 19, 20, 21, 22, 23 hoặc 24.



Điều 15: Xuất trình phù hợp

❖ Khi một ngân hàng phát hành xác định việc xuất trình là phù hợp

→ Ngân hàng đó phải thanh toán

❖ Khi một ngân hàng xác nhận xác định việc xuất trình là phù hợp

→ Ngân hàng đó phải thanh toán hoặc thương lượng thanh toán và chuyển giao các chứng từ tới ngân hàng phát hành.

Điều 15: Xuất trình phù hợp

- ❖ Khi một ngân hàng chỉ định xác định việc xuất trình là phù hợp và ngân hàng đó thanh toán hoặc thương lượng thanh toán
→ Ngân hàng đó phải chuyển giao các chứng từ đến ngân hàng xác nhận hoặc ngân hàng phát hành.

Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo

- ❖ NH chỉ định, xác nhận, phát hành có thể từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán chứng từ có sai biệt.
- ❖ NH phát hành, theo cách thức riêng của mình tiếp xúc với người yêu cầu đề nghị bỏ qua các sai biệt.
- ❖ Thông báo từ chối không được muộn hơn ngày làm việc NH thứ 5 tính từ ngày sau ngày xuất trình.

Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo

❖ Không hành động phù hợp với các quy định của điều khoản này thì sẽ mất quyền khiếu nại về xuất trình không phù hợp.

❖ Sau khi đưa ra thông báo từ chối:

➤ NH phải trả lại bộ chứng từ cho người xuất trình vào bất cứ lúc nào.

➤ NH thông báo hoặc NH xác nhận có quyền đòi lại tiền, kể cả tiền lãi, hoặc bất cứ số tiền hoàn trả nào mà nó đã thực hiện.

Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo

❖ Thông báo từ chối phải ghi rõ:

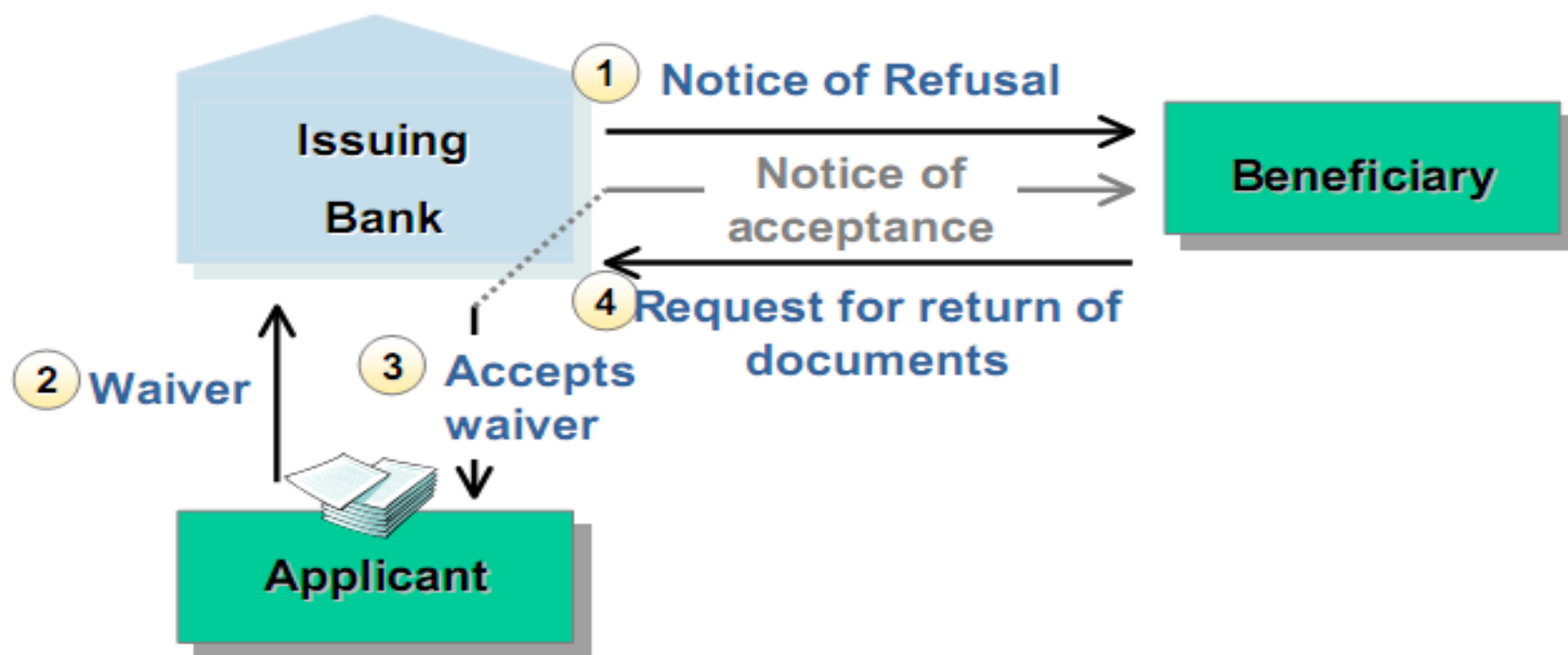
➤ NH đang từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán.

➤ Tờng sai biệt của thông báo từ chối và một trong những điều sau:

+ NH đang chuyển trả lại chứng từ

+ NH đang giữ các chứng từ để chờ chỉ thị của người xuất trình

Thông báo từ chối: “NH phát hành đang giữ các chứng từ cho đến khi nào nó nhận được sự bỏ qua sai biệt từ người yêu cầu và đồng ý chấp nhận sai biệt hoặc nhận được những chỉ thị khác từ người xuất trình trước khi đồng ý bỏ qua”



Điều 17

Các chứng từ gốc và các bản sao

- Xét bề ngoài chứng từ có : chữ ký, ký hiệu, dấu hoặc nhãn gốc thật của người phát hành chứng từ, trừ phi bản thân chứng từ nêu rõ nó không phải là bản gốc.
 - Hoặc thể hiện là được viết, đánh máy, đục lỗ, đóng dấu bằng tay người phát hành
 - Thể hiện là giấy văn thư chính thức của người phát hành chứng từ
 - Hoặc ghi rõ nó là chứng từ gốc
- Xuất trình :
 - Ít nhất 1 bản gốc/1 chứng từ nêu trong L/C
 - Nếu yêu cầu xuất trình bản sao thì vẫn có thể xuất trình bản gốc

Điều 17

Các chứng từ gốc và các bản sao

Nếu L/C yêu cầu xuất trình

- **“2 bản giống nhau”**
- **Gấp 2 lần**
- **Làm 2 bản**

⇒ **Có thể xuất trình:**

- + **1 original & 1 copy**
- + **or 2 originals**

Điều 18: Hóa đơn thương mại

❖ Do người thụ hưởng phát hành, phải đứng tên người yêu cầu, và không cần phải kí(trừ trường hợp quy định trong điều 38)

❖ Mô tả hàng hóa, dịch vụ hoặc thực hiện phải phù hợp với mô tả hàng hóa trong tín dụng.

Điều 18: Hóa đơn thương mại

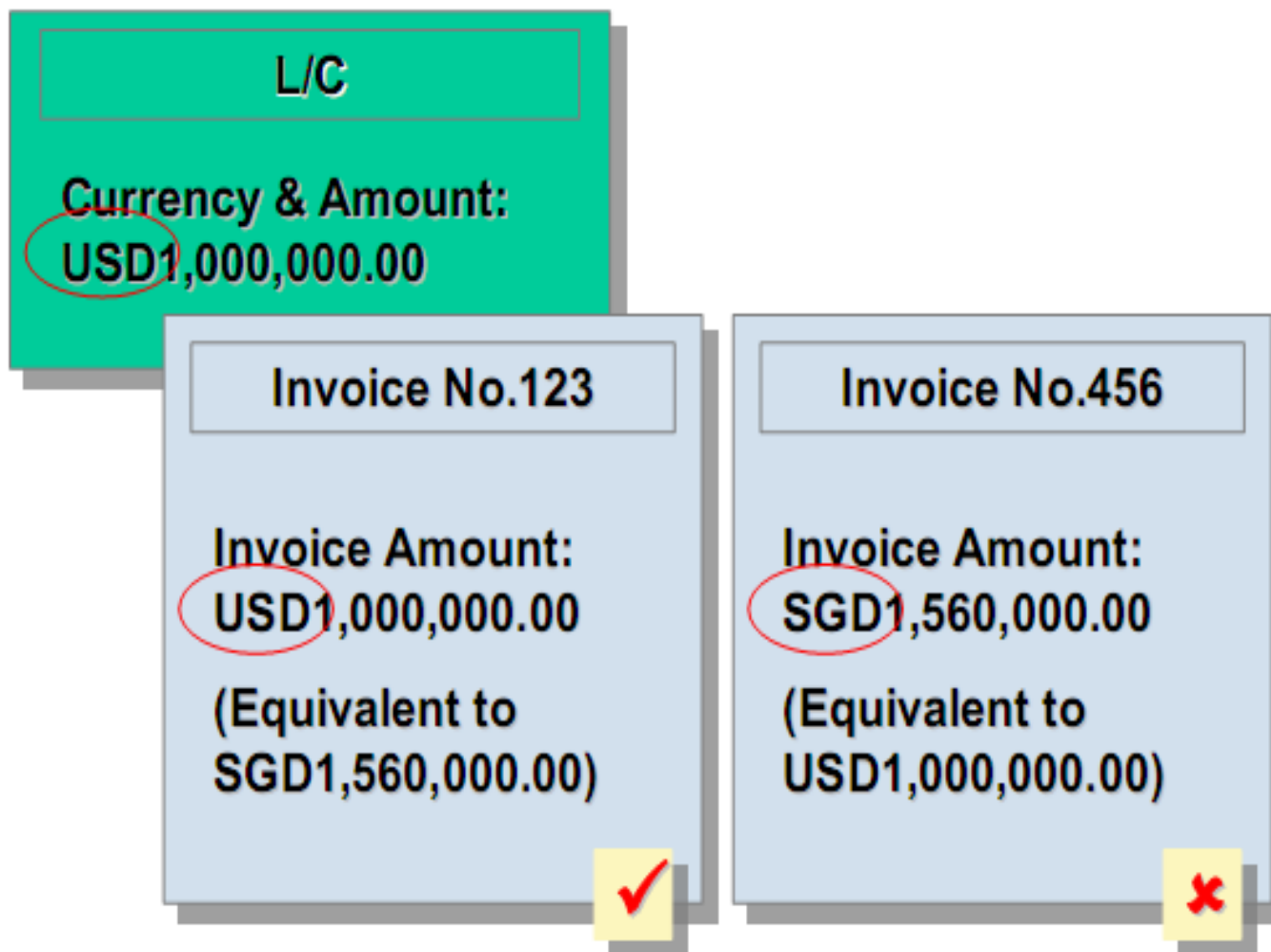
- A nominated bank acting on its nomination, a confirming bank, if any, or the issuing bank may accept a commercial invoice issued for an amount **in excess of the amount permitted by the credit**, and its decision will be binding upon all parties, ***provided the bank in question has not honoured or negotiated for an amount in excess of that permitted by the credit.***

Điều 18: Hóa đơn thương mại

Hóa đơn có số tiền vượt quá số tiền trong L/C có thể được chấp nhận bởi ngân hàng chỉ định nhưng phải chưa thanh toán hoặc thương lượng thanh toán cho số tiền vượt quá số tiền của tín dụng.

Ví dụ

Phải bằng loại tiền như của L/C





Điều 20: Vận đơn đường biển

Chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển

- Các loại chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.
- Hình thức của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.
- Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.

Chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển

- **Các loại chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.**
- Hình thức của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.
- Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.

Các loại chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- UCP 600 chia chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển thành 3 loại:
 - Vận đơn đường biển (Bill of Lading) – Điều 20 UCP 600
 - Giấy gửi hàng bằng đường biển không chuyển nhượng (Non-Negotiable Seawaybill) – Điều 21 UCP 600
 - Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu (Charter Party Bill of Lading) – Điều 22 UCP 600

Chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển

- Các loại chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.
- **Hình thức của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.**
- Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.

Hình thức của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- **Chứng từ giấy**: bao gồm 2 mặt: mặt 1 sẽ chứa đựng những nội dung theo quy định, mặt 2 chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở.
- **Chứng từ điện tử**: UCP 600 không đề cập trong nội dung, mà sẽ có bản phụ trương hướng dẫn cụ thể kèm theo. Nếu phát hành dưới dạng điện tử thì không bao gồm 2 mặt mà bao gồm 2 bộ phận hợp thành: bộ phận thứ nhất gọi là chứng từ vận đơn điện tử (Electronic Bill of Lading text) và bộ phận thứ hai gọi là trang đăng ký chuyển đổi.

Chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển

- Các loại chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.
- Hình thức của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.
- **Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển.**

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- Người phát hành và người ký chứng từ.
- Xếp hàng lên tàu.
- Ngày giao hàng.
- Hành trình của hàng hoá.
- Chuyển tải.
- Chứng từ vận chuyển gốc.
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Tên gọi của chứng từ

- UCP 600 không quan tâm đến tên gọi của chứng từ, miễn là nội dung của chứng từ đáp ứng những quy định của UCP.
- Một chứng từ khi xuất trình tại ngân hàng có tiêu đề của chứng từ là "**Bill of Lading**" hay "**Seawaybill for Combined Transport Shipment**" hay "**Port to Port Shipment**" chưa phải là cơ sở để ngân hàng chấp nhận hay từ chối, việc chấp nhận hay từ chối sẽ phụ thuộc vào nội dung chứng từ thể hiện theo quy định.

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- **Người phát hành và người ký chứng từ.**
- Xếp hàng lên tàu.
- Ngày giao hàng.
- Hành trình của hàng hoá.
- Chuyển tải.
- Chứng từ vận chuyển gốc.
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Người phát hành và người ký chứng từ

- Người phát hành chứng từ:
 - Đối với vận đơn đường biển và giấy gửi hàng bằng đường biển, phải chỉ rõ tên người chuyên chở (***indicate the name of the carrier***), nhưng không được thể hiện và ghi là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu (***contain no indication that it is subject to a charter party***).
 - Đối với vận đơn theo hợp đồng thuê tàu, không cần chỉ rõ tên người chuyên chở, nhưng có ghi là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu (***containing an indication that it is subject to charter party***).

Người phát hành và người ký chứng từ

- Người ký chứng từ:
 - Đối với ***vận đơn đường biển*** và ***giấy gửi hàng bằng đường biển***, người ký chứng từ có thể là người chuyên chở hay đại lý hoặc người thay mặt người chuyên chở; thuyền trưởng hay đại lý hoặc người thay mặt thuyền trưởng.
 - Đối với ***vận đơn theo hợp đồng thuê tàu***, người ký vận đơn theo hợp đồng thuê tàu có thể là thuyền trưởng hay đại lý hoặc người thay mặt thuyền trưởng; chủ tàu hay đại lý hoặc người thay mặt chủ tàu; người thuê tàu hay đại lý hoặc người thay mặt người thuê tàu (người thuê tàu thường gọi là người chuyên chở).
 - Người ký chứng từ, khi ký phải thể hiện rõ tư cách pháp lý của mình. Riêng đối với đại lý, khi ký, ngoài việc thể hiện là đại lý, còn phải ghi rõ đại lý cho ai, nghĩa là phải ghi rõ tên của người mà mình là đại lý.

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- Người phát hành và người ký chứng từ.
- **Xếp hàng lên tàu.**
- Ngày giao hàng.
- Hành trình của hàng hoá.
- Chuyển tải.
- Chứng từ vận chuyển gốc.
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Xếp hàng lên tàu

- Trên các chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển, UCP 600 quy định rất cụ thể về hàng xếp lên tàu:
 - Chứng từ vận chuyển phải chỉ rõ hàng hóa đã được xếp lên con tàu chỉ định tại cảng giao hàng quy định trong thư tín dụng (indicate that the goods have been shipped on board a name vessel at the port of loading stated in the credit).
 - Nội dung này trên chứng từ có thể được thể hiện bằng hai cách, hoặc là một cụm từ in sẵn (pre-printed wording) hoặc là một ghi chú là hàng đã được xếp lên tàu và có ghi ngày xếp hàng lên tàu (an onboard notation indicating the date on which the goods have been shipped in board).

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- Người phát hành và người ký chứng từ.
- Xếp hàng lên tàu.
- **Ngày giao hàng.**
- Hành trình của hàng hoá.
- Chuyển tải.
- Chứng từ vận chuyển gốc.
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Ngày giao hàng

- Theo quy định của UCP 600:
- Ngày phát hành vận đơn sẽ được coi là ngày giao hàng (*the date of issuance of the Bill of Lading will be deemed to be the date of shipment*), trừ khi trên chứng từ vận chuyển đã có ghi chú ngày xếp hàng lên tàu thì ngày xếp hàng lên tàu sẽ được coi là ngày giao hàng (*the date stated in the on board notation will be deemed to be the date of shipment*).

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- Người phát hành và người ký chứng từ.
- Xếp hàng lên tàu.
- Ngày giao hàng.
- **Hành trình của hàng hoá.**
- Chuyển tải.
- Chứng từ vận chuyển gốc.
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Hành trình của hàng hoá

- Theo UCP 600, hành trình của hàng hóa phải được thể hiện cụ thể trên chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển. Trên chứng từ vận chuyển phải chỉ rõ chuyển hàng được giao từ cảng xếp hàng tới cảng dỡ hàng đã được quy định trong thư tín dụng (***indicate shipment from the port of loading to the port of discharge stated in the credit***).
- Trường hợp trên chứng từ vận chuyển chưa xác định rõ được cảng xếp hoặc ghi cảng dự định xếp hàng thì khi xếp hàng lên tàu phải ghi chú rõ tên cảng xếp như quy định trong tín dụng, ngày xếp hàng lên tàu và tên tàu hàng đã xếp lên.

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- Người phát hành và người ký chứng từ.
- Xếp hàng lên tàu.
- Ngày giao hàng.
- Hành trình của hàng hoá.
- **Chuyển tải.**
- Chứng từ vận chuyển gốc.
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Chuyển tải

- Chuyển tải được UCP 600 đề cập đối với vận đơn đường biển và giấy gửi hàng bằng đường biển, đối với vận đơn theo hợp đồng thuê tàu không được đề cập tới.
- Điều 20 và 21, UCP 600, khoản b và c; trên chứng từ vận chuyển có thể ghi hàng hóa sẽ hoặc có thể chuyển tải miễn là toàn bộ hành trình vận chuyển chỉ sử dụng **một** và cùng một chứng từ vận tải duy nhất.
- Nếu hàng hóa được giao bằng container, xe moóc hoặc sà lan tàu LASH ghi trên chứng từ, thì ngay cả khi tín dụng thư cấm chuyển tải (even if the credit prohibits transshipment) các ngân hàng vẫn có thể chấp nhận một chứng từ vận chuyển ghi việc chuyển tải sẽ hoặc có thể xảy ra (transshipment will or may take place).

Nội dung của chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển

- Tên gọi của chứng từ.
- Người phát hành và người ký chứng từ.
- Xếp hàng lên tàu.
- Ngày giao hàng.
- Hành trình của hàng hoá.
- Chuyển tải.
- **Chứng từ vận chuyển gốc.**
- Điều kiện và điều khoản chuyên chở.

Chứng từ vận tải gốc

- Trong chuyên chở hàng hóa bằng đường biển, khi nhận hàng để chở, người nhận hàng để chở thường phát hành cho người gửi hàng 01 bản gốc hoặc 01 bộ chứng từ vận tải gốc.
- UCP 600: Khi xuất trình chứng từ vận chuyển gốc tại ngân hàng có thể xuất trình một bản gốc duy nhất nếu phát hành một bản gốc, còn phát hành một bộ thì phải xuất trình trọn bộ chứng từ gốc đã phát hành.

Ví dụ

- **L/C ghi:**

- F32B: USD100,000.00

- F39A: Percentage credit amount: 5/5

- F42P: Deferred payment details: 60 days after shipment date

- F43P: Partial shipment: Not allowed

- F45A: Description of goods.....

- F46A: Documents required:

.....Full set of B/L made out to order of the applicant

- **Khi xuất trình:**

- Có 2 bộ chứng từ vận tải: 2 phương thức vận tải đường biển và đường sắt, cùng khởi hành 1 ngày, cùng đến 1 đích

-→ *Complying presentation?*

Ví dụ

- Partial shipment:
- “A presentation consisting more than one set of transport documents evidencing shipment commencing on the same means of conveyance and for the same journey, provided that they indicate the same destination, will not be regarded as covering a partial shipment”
- “Shipment on more than one means of conveyance is a partial shipment, even if such means of conveyance leave on the same day for the same destination”

-→ Not ***Complying presentation!***

Áp dụng UCP 600

- Chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển.
- **Chứng từ bảo hiểm.**

Chứng từ bảo hiểm

- Điều 28 UCP 600: Bao gồm 9 mục quy định:
 - Loại chứng từ bảo hiểm, đối tượng phát hành và số lượng phát hành: 28a, b, c, d.
 - Ngày của chứng từ bảo hiểm: 28e.
 - Loại tiền và số tiền bảo hiểm: 28f.
 - Loại bảo hiểm, loại rủi ro, mức độ bảo hiểm và các khoản loại trừ: 28g, h, i, j.

Ví dụ

- **L/C quy định xuất trình C/I**
- ***Chứng từ xuất trình:***
 - *C/I ghi ngày 10 May 2010 (ngày xếp hàng lên tàu trên B/L)*
 - *01 bản C/I sửa đổi (thay thế phần mô tả hàng hóa và khối lượng hàng hóa) ký bởi công ty bảo hiểm ngày 20 May 2010*
 - *Complying presentation?*

**Điều
29**

**Gia hạn ngày hết hạn hiệu lực và
ngày cuối cùng phải xuất trình**

Câu hỏi:

L/C quy định bộ chứng từ xuất trình cho ngân hàng muộn nhất vào ngày 30/4, ở Việt Nam ngày 30/4 và 1/5 là ngày lễ nên được nghỉ vậy bộ chứng từ xuất trình thanh toán vào ngày 2/5.

Xuất trình như vậy hợp lệ hay bất hợp lệ?

Điều 30c

Dung sai về số tiền, số lượng và đơn giá

- Even when partial shipments are **not** allowed, a tolerance not to exceed 5% less than the amount of the credit is allowed, provided that the quantity of the goods, if stated in the credit, is shipped in full and a unit price, if stated in the credit, is not reduced or that sub-article 30 (b) is not applicable. This tolerance does not apply when the credit stipulates a specific tolerance or uses the expressions referred to in sub-article 30 (a).

Điều 30c

Dung sai về số tiền, số lượng và đơn giá

- **ICC**: Áp dụng với CFR or CIF, khi mức giá không yếch chính xác là bao nhiêu, mà dựa trên phí BH hoặc chi phí vận tải.
- Khi xuất trình chứng từ, người thụ hưởng ký phát hóa đơn dựa trên phí bảo hiểm và chi phí vận tải thực tế, có thể thấp hơn mức giá trong đơn đặt hàng
- Dung sai 5% được áp dụng với hóa đơn do người thụ hưởng ký phát, miễn là khối lượng hàng hóa được vận chuyển là đầy đủ và đơn giá không bị giảm trừ.

Điều 30c

Dung sai về số tiền, số lượng và đơn giá

- **Ví dụ:**
- LC details:
Credit amount: Not exceeding USD 150,000
Goods: 10 trucks
Unit price: USD 12,000/unit
Delivery term: CFR Da Nang Port, Vietnam
Freight charges as per actual freight invoice but not exceeding USD 30,000
- Invoice presented:
Goods: 10 trucks
Unit price: USD 12,000/unit
Freight charges: USD 23,000.
Total invoice amount: USD 143,000 CFR Da Nang Port, Vietnam
- ***Conclusion: Acceptable!!!***

Điều 31 Giao hàng hoặc thanh toán từng phần

- *Giao hàng từng phần*: theo cách hiểu chung, là giao hàng làm nhiều đợt, nhiều lần trong các thời điểm khác nhau. Nhưng đối với nhà nhập khẩu thì số hàng được nhận một lần trên một con tàu tại một nơi thì có thể coi là giao hàng một lần.
- Thực tiễn giao nhận vận tải hàng hóa quốc tế, đã cho phép ICC duy trì quy tắc nhằm bảo đảm thuận lợi cho nhà xuất khẩu trong giao hàng.

Điều 31

VD: nhà XK cần giao 1 lần lô hàng 10000 tấn gạo sang châu phi.

Ngày 15/12/2009 tàu nhận hàng tại cảng Cần Thơ 7.000 tấn, sau đó ngày 18/12/2009, tàu nhận tiếp số hàng còn lại tại cảng Sài Gòn. Kết thúc bốc hàng, tàu đi đến Châu Phi để dỡ hàng.

Theo QĐ của Tín dụng thư, thuyền trưởng tàu cấp 2 bộ vận đơn ứng với 2 lần nhận hàng.

Ngày bốc hàng ghi trên vận đơn tại cảng SG (18/12/2009) được coi là ngày giao hàng thực tế của Tín dụng thư, vì đây là ngày muộn nhất trên các chứng từ vận tải.

Việc xuất trình hợp lệ, mặc dù TDT không cho phép giao hàng từng phần.

Điều 31

❑ Giao hàng trên cùng nhiều phương tiện của một phương thức

Việc xuất trình hơn một bộ chứng từ vận tải thể hiện giao hàng trên hơn một phương tiện vận tải trong cùng một phương thức phải coi là giao hàng từng phần, ngay cả phương tiện vận chuyển đó rời địa điểm nhận hàng trong cùng một ngày

Điều 31

Giao hàng từng phần trong chuyên chở qua bưu điện

Với đặc thù của giao hàng bằng đường bưu điện, nhà XK có thể giao hàng tại các trung tâm bưu chính thuận tiện nhất nơi giao hàng theo quyết định của TDT.

Dù hàng gửi tại nhiều trung tâm bưu chính khác nhau trong cùng một thành phố nhưng vẫn có thể được chuyển đi trong cùng một chuyến hành trình.

Do vậy, ngân hàng sẽ không coi là giao hàng từng phần nếu việc giao hàng được chứng minh bằng Biên lai bưu điện, Giấy chứng nhận gửi hàng bưu điện, kể cả Biên lai chuyển phát nhanh.. được ghi cùng ngày tại địa điểm mà TDT quy định.

Điều 32. Giao hàng hoặc thanh toán nhiều lần

Điều 32. Giao hàng hoặc thanh toán nhiều lần

ND, cấu trúc của điều khoản này
được giữ nguyên UCP 500 điều 41

Ví dụ

TĐT yêu cầu 300 MT nhựa tổng hợp trị giá 450.000 USD, giao hàng 3 chuyến đều nhau, giữa các tháng 5,6,7.

Nếu người bán ko thể giao chuyến đầu tiên vào tháng 5 thì TĐT coi như không còn hiệu lực cho việc giao hàng tháng 5 và phần hàng còn lại.

Điều 32. Giao hàng hoặc thanh toán nhiều lần

Điều kiện này đưa ra nhằm bảo vệ quyền lợi của người NK.

Tuy nhiên, nhà NK có thể xem xét và quyết định có mua tiếp hay không. Nếu cần, họ sẽ sửa đổi TDT để người XK tiếp tục giao hàng.

Điều 38.

Tín dụng có thể chuyển nhượng

Tin dụng có thể chuyển nhượng

❑ Điều 38 - Một điều khoản đặc biệt

- TD thư chuyển nhượng ghi rõ *ngân hàng được ủy quyền* được phép chuyển nhượng TD, thì Người thụ hưởng thứ nhất sẽ yêu cầu ngân hàng này chuyển nhượng.
- Nếu tín dụng thư có giá trị tại bất cứ ngân hàng nào (*available at any bank*) thì *ngân hàng thông báo đóng vai trò ngân hàng được chỉ định chuyển nhượng*.
- Tín dụng thư cần ghi rõ ngân hàng được phép chuyển nhượng và chỉ ngân hàng đó được quyền.

=> Quan điểm của phòng thương mại quốc gia là “*tránh nhiều lần chuyển nhượng của cùng một bộ chứng từ và do vậy nhiều lần chiết khấu của cùng một bộ chứng từ*”.

□ Bản chất của việc thanh toán bằng TD chuyển nhượng

- Tín dụng thư chuyển nhượng là phương thức thanh toán cho một hợp đồng mua bán hàng qua trung gian. Trong giao dịch Quốc tế, chuyển nhượng được biểu hiện bằng hai thuật ngữ:
 - Assignment
 - Transfer
- *Tín dụng chuyển nhượng* là phương thức thanh toán tương ứng với Hợp đồng mua bán ba bên, hoặc hợp đồng mua bán qua trung gian.

Điều 39

- Cần phân biệt “ *chuyển nhượng tiền hàng xuất khẩu*” của Điều khoản này với “ *chuyển nhượng quyền thực hiện Tín dụng thư*” được đề cập ở Điều 38

Theo đó người được chuyển nhượng toàn quyền thực hiện Tín dụng thư và xuất trình chứng từ đòi tiền ngân hàng phát hành theo đúng các Điều khoản của tín dụng thư và UCP 600.

DOCUMENTARY CREDITS



WHO WE ARE? WHAT IS IT?

- Advising bank
- Applicant
- Beneficiary
- Confirming bank
- Issuing bank
- Nominated bank
- Presenter
- Banking day
- Complying presentation
- Confirmation
- Credit
- Honour
- Negotiation

➡ **Article 2 – UCP600**

Nếu..... thì.....

- ‘On and about 15th May, 2009’ nghĩa là.....
- ‘Second half of May 2009’...

————→ Article 3

- Date of shipment: 10 May 2009
- Presentation date: 10 June 2009
- Expiry date of credit: 8 June 2009

Có phù hợp không? —————→ Article 14c

Nếu..... thì.....

- L/C issuance: 5 May 2009
- Presentation date: 10 June 2009
- Certificate of Insurance date: 15 June 2009

NH từ chối thanh toán là đúng hay sai?

————→ **Article 14i**

Nếu..... thì.....

- L/C : “Transshipment: Not allowed”
- Bill of Lading/ Sea Waybill: “Transshipment will/may take place”

NH từ chối thanh toán là đúng hay sai?

—————→ **Article 20c, 21c**

End of Topic 8. But endless...
ƯCP!!!

